

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Lãnh đạo	2 - 6
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	7 - 8
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	9 - 13
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	14 - 16
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	17 - 18
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	19 - 63

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”)

Khái quát về Tổng Công ty

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện hoạt động theo Giấy phép thành lập số 3633/GP-UB, ngày 01 tháng 8 năm 1998 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội với thời gian hoạt động là 25 năm.

Trong quá trình hoạt động, Tổng Công ty đã 28 lần được Bộ Tài chính cấp Giấy phép điều chỉnh, trong đó Giấy phép điều chỉnh lần thứ 28 số 41A/GPĐC28/KDBH ngày 22 tháng 01 năm 2021 về việc thành lập thêm Công ty thành viên.

Trụ sở chính

Địa chỉ : Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội
Điện thoại : 0243 772 4466
Fax : 0243 772 4460
Mã số thuế : 0100774631

Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
1 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Hồ Chí Minh	Tầng 11, tòa tháp Viettel, số 285 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh
2 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Đà Nẵng	Tầng 5 tòa nhà Bưu điện Đà Nẵng, 271 Phạm Văn Linh, P.Vĩnh Trung – Q.Thanh Khê – TP.Đà Nẵng
3 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Hải Phòng	Tòa nhà số 2 Lô 28A Lê Hồng Phong, quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng
4 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Cần Thơ	Số 40, đường Võ Văn Kiệt, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ
5 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Bắc Trung bộ	Khối Yên Vinh, phường Hưng Phúc, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An
6 Công ty Bảo hiểm Bưu điện khu vực Phía Bắc	Đường Nguyễn Tất Thành, Trưng Vương, Thành Phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
7 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Đồng Nai	Số R64, R65 Võ Thị Sáu nối dài, Phường Thống Nhất, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai
8 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Tây Nguyên	27 Trần Khánh Dư, Phường Tân Lợi, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
9 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Nam Trung bộ	Số 2 Đường Lê Thành Phương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
10 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Cà Mau	Số 3 Lưu Tấn Tài, Phường 5, Thành phố Cà Mau
11 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Bình Định	Tầng 4 số 2 Trần Thị Kỳ, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
12 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Bình Dương	Số 150 đường Ngô Gia Tự, Phường Chánh Nghĩa, TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
13 Công ty Bảo hiểm Bưu điện	Số 164 Lê Thánh Tông, P.Bạch Đằng, TP.Hạ Long, Tỉnh

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO (tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ
Quảng Ninh	Quảng Ninh.
14 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Thanh Hóa	Tầng 5, Số 11 Hạc Thành, Phường Điện Phủ, TP.Thanh Hoá
15 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Thừa Thiên Huế	Tầng 2, toà nhà 51 Hai Bà Trưng, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế
16 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Thăng Long	Tòa nhà Hoa Đăng, số 290 Nguyễn Trãi, Phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội
17 Công ty Bảo hiểm Bưu điện An Giang	Số 5/2 Đường Tôn Đức Thắng, Phường Mỹ Bình, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
18 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Long An	Số 37-39 đường số 5 – P.6, TP.Tân An, tỉnh Long An
19 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Vĩnh Phúc	Số 2, Đường Ngô Quyền, Thị xã Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc
20 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Sài Gòn	Phòng 2-3, tầng 3, tòa nhà Dali tower, 24 Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
21 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Bắc Ninh	Lô B94, đường Kinh Dương Vương, Phường Vũ Ninh, Thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
22 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Lào Cai	Số 121 Đường Thanh Niên, P Duyên hải, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai
23 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Khu vực Nam Sông Hồng	Số 08, Đường Lê Đại Hành, Phường Thanh Bình, Thành phố Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình.
24 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Bến Thành	Tầng 4-5, tòa nhà 322 Điện Biên Phủ, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
25 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Hà Nội	Tầng 2 – tòa nhà báo Tài nguyên và môi trường, lô E2 khu đô thị mới Cầu Giấy, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
26 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Hải Hưng	Lô 122, BT 3-4, Khu Tây, Phường Tân Bình, Thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
27 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Tiền Giang	Số 59, đường 30/4, Phường 1, TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang
28 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Thủ Đô	Tầng 56, tòa nhà 95B, khu lao động Thịnh Hào, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, Hà Nội
29 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Khu vực Bình Trị Thiên	Số 146, đường Lý Thường Kiệt, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình
30 Văn phòng đại diện Tổng Công ty Khu vực phía Nam	Tầng 2, Cao ốc Thủy Lợi 4, số 205 Nguyễn Xí, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
31 Công ty Bảo hiểm Bưu Điện Thống Nhất	Lầu 3, 170 Bùi Thị Xuân, P.Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP.HCM
32 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Phú Mỹ Hưng	Lầu 7 Tòa nhà Loyal, 151-151 Bis Võ Thị Sáu, P.6, Q.3, TP.Hồ Chí Minh
33 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Vũng Tàu	Số 408 Lê Hồng Phong, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
34 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Thái Nguyên	Tầng 2, tòa nhà 09 tầng, phố Tô Ngọc Vân, đường Phan Đình Phùng, tổ 11, P.Đông Quang, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.
35 Công ty Bảo hiểm Bưu điện	Số 69 Hùng Vương, Phường Tây Sơn, Thành phố Pleiku, Tỉnh

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO (tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ
Gia Lai	Gia Lai
36 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Hà Thành	Tầng 5, Tòa nhà Lạc Hồng, 85 Lê Văn Lương, Thanh Xuân, Hà Nội
37 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Nam Định	Tầng 3 tòa nhà ACB – chi nhánh Nam Định, số 67 Lê Hồng Phong, phường Nguyễn Du, thành phố Nam Định
38 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Hải Đăng	Tầng 2 tòa nhà Thành Đạt 1, số 3 đường Lê Thánh Tông, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng
39 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Tràng An	Tầng 6, tòa nhà 434 Trần Khát Chân, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
40 Công ty Bảo Hiểm Bưu điện Tây Bắc	Bưu cục Bắc Trần Hưng Đạo, xóm 12, Xã Sù Ngòi, Thành phố Hoà Bình, Hòa Bình
41 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Âu Lạc	Căn số 2, N7B Khu đô thị Trung Hòa, Nhân Chính, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội
42 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Sóc Trăng	Số 62 Trần Bình Trọng, Khóm 1, Phường 2, Thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
43 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Thái Bình	Tầng 5, số 355 Lý Bôn, phường Đề Thám, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình
44 Văn phòng đại diện Giám định Bồi thường PTI tại Hà Nội	Tầng 2, nhà số 2, Chung cư cao tầng tại ô đất CT3, Khu đô thị mới Trung Văn, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
45 Văn phòng đại diện Giám định Bồi thường PTI tại Hồ Chí Minh	Số 205 Nguyễn Xí, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
46 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Hà Tuyên	Tổ 6, phường Hưng Thành, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang
47 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Tây Nam	Khu phố 7, phường 3, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh
48 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Thời đại số	Tầng 3, tòa nhà Comatce Tower, số 61 Nguyễn Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
49 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Gia Định	Tầng 3, tòa nhà Sun Village, Số 31-33 Nguyễn Văn Đậu, phường 6, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
50 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Kiên Giang	Số 801-803 Đường 3 tháng 2, Khu phố 5, phường An Hòa, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
51 Văn phòng đại diện Giám định Bồi thường PTI tại Hải Phòng	Tầng 1, số 5 Nguyễn Tri Phương, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng
52 Công ty Bảo hiểm Bưu điện Lạng Sơn	Số 33 đường Lê Lợi, phường Vĩnh Trại, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

Lĩnh vực kinh doanh: kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ

Các nghiệp vụ được phép kinh doanh:

- Kinh doanh bảo hiểm gốc:
 - Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người;
 - Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại;
 - Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển đường bộ, đường biển, đường sông, đường sắt và đường hàng không;
 - Bảo hiểm trách nhiệm chung;
 - Bảo hiểm xe cơ giới;
 - Bảo hiểm cháy, nổ;
 - Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO (tiếp theo)

- Kinh doanh tái bảo hiểm: Nhận và nhượng tái bảo hiểm liên quan đến các nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ.
- Tiến hành các hoạt động đầu tư theo quy định của pháp luật.
- Giám định tổn thất.
- Đại lý giám định tổn thất, xét giải quyết bồi thường, yêu cầu người thứ ba bồi hoàn.
- Các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Tổng Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Minh Đức	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2020
Ông Kim Kang Wook	Phó Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2020
Ông Bùi Xuân Thu	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2020
Ông Ko Young Joo	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2020
Ông Park Suk Gon	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2020
Ông Mai Xuân Dũng	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2020
Bà Trần Thị Minh	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2020
Ông Đỗ Ngọc Quỳnh	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2020
Bà Nguyễn Hồ Nga	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2020
Bà Phạm Minh Hương	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2020

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Ông Nguyễn Hữu Thắng	Trưởng ban	Ngày 24 tháng 6 năm 2020
Bà Bùi Thanh Hiền	Thành viên	Ngày 24 tháng 6 năm 2020
Ông Park Ki Hyun	Thành viên	Ngày 24 tháng 6 năm 2020
Ông Bae Taeg Soo	Thành viên	Ngày 24 tháng 6 năm 2020
Bà Nguyễn Thị Hà Ninh	Thành viên	Ngày 24 tháng 6 năm 2020

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Ông Bùi Xuân Thu	Tổng Giám đốc	Ngày 27 tháng 4 năm 2018
Ông Cao Bá Huy	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 04 tháng 4 năm 2018
Ông Đỗ Quang Khánh	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 27 tháng 4 năm 2018
Ông Nguyễn Kim Lân	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 21 tháng 7 năm 2019
Ông Đoàn Kiên	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 21 tháng 7 năm 2019
Ông Nghiêm Xuân Thái	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 01 tháng 8 năm 2020
Bà Lưu Phương Lan	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 01 tháng 8 năm 2020

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Bùi Xuân Thu - Tổng Giám đốc.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Tập đoàn.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO (tiếp theo)

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Lãnh đạo phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Lãnh đạo đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Lãnh đạo cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Lãnh đạo cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Lãnh đạo phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2020, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Bảo hiểm ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Lãnh đạo,

Tổng Giám đốc



Bùi Xuân Thu

Ngày 22 tháng 3 năm 2021



Head Office	: 02 Truong Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970	kttv@a-c.com.vn
Branch in Ha Noi	: 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869	kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang	: Lot STH 06A.01, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City, Vietnam Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806	kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Can Tho	: I5-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996	kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 1.0488/21/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 22 tháng 3 năm 2021, từ trang 09 đến trang 63, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Bảo hiểm ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Bảo hiểm Bưu điện tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Bảo hiểm ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Nguyễn Hoàng Đức - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0368-2018-008-1

Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2021



Lê Trọng Toàn - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2963-2020-008-1

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150+190)	100		6.427.661.280.045	6.652.595.735.451
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	298.018.898.197	118.142.382.645
1. Tiền	111		298.018.898.197	118.142.382.645
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		3.103.087.884.605	3.178.426.833.594
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	5.773.214.858	514.695.503.218
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	-	(137.506.487.068)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	3.097.314.669.747	2.801.237.817.444
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.018.395.127.880	957.125.800.733
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	543.675.964.625	652.578.397.027
1.1 <i>Phải thu về hợp đồng bảo hiểm</i>	131.1		540.365.756.625	608.316.325.735
1.2 <i>Phải thu khác của khách hàng</i>	131.2		3.310.208.000	44.262.071.292
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	291.052.725.019	90.460.808.098
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		13.140.000.000	13.140.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	275.349.179.186	249.425.428.475
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(104.822.740.950)	(48.478.832.867)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		2.025.501.719	15.999.232.660
1. Hàng tồn kho	141	V.7	2.025.501.719	15.999.232.660
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		590.322.837.710	399.506.624.819
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	589.109.781.272	392.988.957.776
1.1 <i>Chi phí hoa hồng chưa phân bổ</i>	151.1		404.700.563.407	392.345.860.078
1.2 <i>Chi phí trả trước ngắn hạn khác</i>	151.2		184.409.217.865	643.097.698
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		633.885.783	6.043.436.712
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.9	579.170.655	474.230.331
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
VIII. Tài sản tái bảo hiểm	190	V.22c	1.415.811.029.934	1.983.394.861.000
1. Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	191		894.555.566.300	1.373.748.583.697
2. Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	192		521.255.463.634	609.646.277.303

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.339.593.958.578	961.951.592.092
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		58.141.102.235	83.259.389.178
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	250.000.000
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	58.141.102.235	83.009.389.178
6.1 <i>Ký quỹ bảo hiểm</i>	216.1		8.200.000.000	10.280.000.000
6.2 <i>Phải thu dài hạn khác</i>	216.2		49.941.102.235	72.729.389.178
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		95.639.457.688	107.256.657.789
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	80.843.357.432	98.932.022.661
<i>Nguyên giá</i>	222		181.538.895.133	215.890.678.814
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(100.695.537.701)	(116.958.656.153)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	14.796.100.256	8.324.635.128
<i>Nguyên giá</i>	228		27.342.062.486	18.637.092.486
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(12.545.962.230)	(10.312.457.358)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.12	106.930.921.100	134.269.251.437
<i>Nguyên giá</i>	231		121.103.326.188	145.709.389.296
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(14.172.405.088)	(11.440.137.859)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		26.087.148.448	49.296.477.314
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	28.542.791.797
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	26.087.148.448	20.753.685.517
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		1.013.624.013.328	553.852.252.675
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2c	33.838.017.073	42.383.971.413
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2d	30.129.400.000	96.373.299.985
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2e	(13.343.403.745)	(47.742.571.184)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2b	963.000.000.000	462.837.552.461
VI. Tài sản dài hạn khác	260		39.171.315.779	34.017.563.699
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	39.171.315.779	32.537.961.484
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	41.332.557
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	1.438.269.658
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		7.767.255.238.623	7.614.547.327.543

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ		300		5.746.102.401.830	5.746.984.869.886
I. Nợ ngắn hạn		310		5.743.624.709.419	5.734.022.260.756
1. Phải trả người bán ngắn hạn		311	V.14	471.264.668.641	554.948.319.769
1.1 <i>Phải trả về hợp đồng bảo hiểm</i>		311.1		441.239.322.902	500.572.000.572
1.2 <i>Phải trả khác cho người bán</i>		311.2		30.025.345.739	54.376.319.197
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		312	V.15	5.164.869.408	6.817.186.836
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		313	V.16	60.311.059.162	51.618.893.485
4. Phải trả người lao động		314		86.206.442.327	61.510.981.320
5. Chi phí phải trả ngắn hạn		315		12.583.962.830	13.439.688.892
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn		316		-	-
7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		318.1	V.17	167.917.724.858	119.073.727.582
8. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng		318.2	V.18	353.365.193.200	293.161.262.536
9. Phải trả ngắn hạn khác		319	V.19a	104.783.927.749	106.110.480.490
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		320	V.20a	-	6.287.285.564
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn		321		110.000.000.000	95.000.000.000
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		322		29.588.138	175.336.139
13. Quỹ bình ổn giá		323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		324		-	-
15. Dự phòng nghiệp vụ		329		4.371.997.273.106	4.425.879.098.143
15.1 <i>Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm</i>		329.1	V.22a	3.126.304.107.134	3.160.260.976.999
15.2 <i>Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm</i>		329.2	V.22a	1.203.186.839.531	1.161.842.936.713
15.3 <i>Dự phòng dao động lớn</i>		329.3	V.22c	42.506.326.441	103.775.184.431
II. Nợ dài hạn		330		2.477.692.411	12.962.609.130
1. Phải trả người bán dài hạn		331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn		332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn		333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh		334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn		335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác		337	V.19b	2.477.692.411	1.320.665.586
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		338	V.20b	-	11.360.701.654
9. Trái phiếu chuyển đổi		339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi		340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		341		-	281.241.890
12. Dự phòng phải trả dài hạn		342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		343		-	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.021.152.836.793	1.867.562.457.657
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.23	2.021.152.836.793	1.867.562.457.657
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		803.957.090.000	803.957.090.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		803.957.090.000	803.957.090.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		827.943.052.804	827.943.052.804
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		23.517.729.849	22.927.850.857
9. Quỹ dự trữ bắt buộc	419		67.912.037.589	55.402.458.511
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		294.419.361.506	151.901.227.577
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		68.420.245.270	44.173.460.600
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		225.999.116.236	107.727.766.977
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		3.403.565.045	5.430.777.908
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		7.767.255.238.623	7.614.547.327.543



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
4. Hợp đồng bảo hiểm gốc chưa phát sinh trách nhiệm		206.322.312.802	207.619.235.541
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		106.787,03	347.266,52
Euro (EUR)		31.491,51	28.156,27
Bảng Anh (£)		321,53	328,03

Lập, ngày 22 tháng 3 năm 2021

Người lập biểu

Phạm Hồng Tiến

Kế toán trưởng

Cao Thu Hiền



Tổng Giám đốc

Bùi Xuân Thu

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

PHẦN I: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10.1		4.734.129.120.923	4.310.237.987.970
1.2 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ khác	10.2		13.252.011.978	207.703.858.751
2. Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	11	VI.3	24.061.998.028	30.856.584.213
3. Doanh thu hoạt động tài chính	12	VI.7	190.568.581.610	187.901.770.914
4. Thu nhập khác	13		5.715.202.132	2.664.187.726
5. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20.1		4.034.477.875.688	3.635.150.320.660
5.2 Giá vốn cung cấp hàng hóa, dịch vụ khác	20.2		7.805.061.326	188.010.043.685
6. Giá vốn bất động sản đầu tư	21	VI.6	13.588.065.910	14.090.977.378
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	VI.8	10.717.162.754	135.765.412.523
8.1 Chi phí bán hàng	23.1		-	3.006.968.579
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23.2	VI.9	597.653.880.483	625.514.339.977
9. Chi phí khác	24		844.363.226	2.253.012.419
10.1 Phần lợi nhuận trong Công ty liên doanh liên kết	50.1		(8.545.954.340)	2.408.355.394
10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=10.1+10.2+11+12+13-20.1-20.2-21-22-23.1-23.2-24)	50.2		294.094.550.944	137.981.669.747
11. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.16	54.948.087.951	24.765.111.081
12. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	(191.886.672)
13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>239.146.462.993</u>	<u>113.408.445.338</u>
13.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	60.1		(949.935.826)	162.983.403
13.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	60.2		240.096.398.819	113.245.461.935
14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	<u>2.867</u>	<u>1.354</u>
15. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	70	VI.10	<u>2.867</u>	<u>1.354</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất (tiếp theo)**PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu phí bảo hiểm (01 = 01.1 + 01.2 - 01.3)	01	VI.1	6.079.510.571.583	4.785.978.449.323
Trong đó				
- Phí Bảo hiểm gốc	01.1		5.959.243.463.387	5.692.726.345.390
- Phí nhận tái bảo hiểm	01.2		86.310.238.331	108.920.975.323
- Tăng (giảm) dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	01.3		(33.956.869.865)	1.015.668.871.390
2. Phí nhượng tái bảo hiểm (02 = 02.1 - 02.2)	02	VI.2	2.122.488.283.799	1.598.946.590.984
Trong đó				
- Phí nhượng tái bảo hiểm	02.1		1.643.295.266.402	2.240.217.554.853
- Tăng (giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	02.2		(479.193.017.397)	641.270.963.869
3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03 = 01 - 02)	03		3.957.022.287.784	3.187.031.858.339
4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác (04 = 04.1 + 04.2)	04		777.106.833.139	1.123.206.129.631
Trong đó				
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	04.1	V.18	536.833.281.524	381.272.476.367
- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04.2		240.273.551.615	741.933.653.264
5.1 Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10 = 03 + 04)	10.1		4.734.129.120.923	4.310.237.987.970
5.2 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ khác	10.2		13.252.011.978	207.703.858.751
6. Chi bồi thường (11 = 11.1 - 11.2)	11	VI.4	2.047.891.329.348	2.038.496.004.596
Trong đó				
- Tổng chi bồi thường	11.1		2.065.181.358.646	2.058.402.239.394
- Các khoản giảm trừ (Thu đòi người thứ 3 bồi hoàn, thu hàng đã xử lý bồi thường 100%)	11.2		17.290.029.298	19.906.234.798
7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	12	VI.4	532.380.584.002	589.960.692.386
8. Tăng (giảm) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	13	VI.4	41.343.902.818	264.927.185.800
9. Tăng (giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	14	VI.4	(88.390.813.669)	262.220.317.806
10. Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15 = 11 - 12 + 13 - 14)	15	VI.4	1.645.245.461.833	1.451.242.180.204
11. Tăng (giảm) dự phòng dao động lớn	16	V.22c	44.022.584.353	35.614.297.659
12. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17 = 17.1 + 17.2)	17	VI.5	2.345.209.829.502	2.148.293.842.797
Trong đó:				
- Chi hoa hồng bảo hiểm	17.1		669.545.133.963	514.028.551.706
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2		1.675.664.695.539	1.634.265.291.091

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền (đồng)	
			Năm nay	Năm trước
13. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18.1 = 15 + 16 + 17)	18.1		4.034.477.875.688	3.635.150.320.660
13.2 Giá vốn cung cấp hàng hóa, dịch vụ khác	18.2		7.805.061.326	188.010.043.685
14. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19.1 = 10.1 - 18.1)	19.1		699.651.245.235	675.087.667.310
14.2 Lợi nhuận gộp cung cấp hàng hóa, dịch vụ khác (19.2 = 10.2 - 18.2)	19.2		5.446.950.652	19.693.815.066
15. Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	20	VI.3	24.061.998.028	30.856.584.213
16. Giá vốn bất động sản đầu tư	21	VI.6	13.588.065.910	14.090.977.378
17. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư bất động sản (22 = 20 - 21)	22		10.473.932.118	16.765.606.835
18. Doanh thu hoạt động tài chính	23	VI.7	190.568.581.610	187.901.770.914
19. Chi phí hoạt động tài chính	24	VI.8	10.717.162.754	135.765.412.523
20. Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25 = 23 - 24)	25		179.851.418.856	52.136.358.391
21.1 Chi phí bán hàng	26.1		-	3.006.968.579
21.2 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26.2	VI.9	597.653.880.483	625.514.339.977
22. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 19.1 + 19.1 + 22 + 25 - 26.1 - 26.2)	30		297.769.666.378	135.162.139.046
23. Thu nhập khác	31		5.715.202.132	2.664.187.726
24. Chi phí khác	32		844.363.226	2.253.012.419
25.1 Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		4.870.838.906	411.175.307
25.2 Phần lợi nhuận trong Công ty liên doanh liên kết	41		(8.545.954.340)	2.408.355.394
26. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40 + 41)	50		294.094.550.944	137.981.669.747
27. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	54.948.087.951	24.765.111.081
28. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	(191.886.672)
29. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		239.146.462.993	113.408.445.338
29.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	61.2		240.096.398.819	113.245.461.935
29.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	61.1		(949.935.826)	162.983.403
30. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	2.867	1.354
31. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	70	VI.10	2.867	1.354

Người lập biểu



Phạm Hồng Tiến

Kế toán trưởng



Cao Thu Hiền

Lập, ngày 22 tháng 3 năm 2021

Tổng Giám đốc



Bùi Xuân Thu

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		294.094.550.944	137.981.669.747
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		19.627.956.510	22.837.073.126
- Các khoản dự phòng	03		416.406.962.501	420.556.537.982
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(241.055.735.040)	(276.440.005.345)
- Chi phí lãi vay	06	VI.8	8.987.972.292	10.765.068.088
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		498.061.707.207	315.700.343.597
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(108.658.648.020)	(84.569.850.775)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		42.516.522.738	(6.349.154.106)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		92.437.430.055	297.485.455.509
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(202.754.177.791)	(156.030.072.719)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		508.922.288.360	84.813.165.600
- Tiền lãi vay đã trả	14		(8.987.972.292)	(10.765.068.088)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.16	(47.335.736.465)	(1.428.208.287)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		774.199.413.792	438.856.610.732
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(52.468.393.445)	(83.456.484.489)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		35.787.881.290	16.737.188.363
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(3.087.097.721.954)	(2.159.937.783.121)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2.290.378.811.417	1.669.317.797.386
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	V.2d	68.743.274.393	63.890.777.700
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		228.071.909.793	229.399.848.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(516.584.238.506)	(264.048.656.161)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.20	270.705.152.192	353.099.444.903
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.20	(268.700.000.000)	(469.045.018.399)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.23c	(79.743.811.926)	(65.345.652.032)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(77.738.659.734)</i>	<i>(181.291.225.528)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		179.876.515.552	(6.483.270.957)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	118.142.382.645	124.625.653.602
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	<u>298.018.898.197</u>	<u>118.142.382.645</u>

Người lập biểu

Phạm Hồng Tiến

Kế toán trưởng

Cao Thu Hiền

Lập, ngày 22 tháng 3 năm 2021

Tổng Giám đốc



Bùi Xuân Thu

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh : Bảo hiểm phi nhân thọ.

3. Ngành nghề kinh doanh : Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, tái bảo hiểm, hoạt động đầu tư tài chính và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 01 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Thoái vốn tại Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Việt Nam (VPCC):

Ngày 10 tháng 12 năm 2019, Hội đồng Quản trị công ty đã ban hành Nghị quyết số 56/NQ-PTI-HĐQT về việc phê duyệt thoái vốn của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Thương Mại Xăng dầu Việt Nam. Theo đó, Tổng Công ty chào bán toàn bộ 1.198.000 cổ phần tương đương 93,63% vốn điều lệ thực góp với giá khởi điểm là 9.800 VND/cổ phần.

Trong năm, Tổng Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ 1.198.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Thương Mại Xăng dầu Việt Nam theo hợp đồng chuyển nhượng ngày 27 tháng 12 năm 2019 với giá chuyển nhượng là 9.800 VND/cổ phần, tổng giá trị chuyển nhượng là 11.740.400.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tổng Công ty không còn kiểm soát Công ty này.

Thoái vốn tại Công ty Cổ phần IBS Việt Nam (IBS):

Ngày 13 tháng 03 năm 2020, Hội đồng Quản trị công ty đã ban hành Nghị quyết số 18/NQ-PTI-HĐQT về việc phê duyệt thoái vốn của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần IBS Việt Nam. Theo đó, Tổng Công ty chào bán toàn bộ 1.980.000 cổ phần tương đương 99% vốn điều lệ thực góp, giá khởi điểm căn cứ vào Chứng thư thẩm định giá của Công ty Thẩm định giá và được Hội đồng Quản trị phê duyệt.

Trong năm, Tổng Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ 1.980.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần IBS Việt Nam theo hợp đồng chuyển nhượng ngày 11 tháng 8 năm 2020 với giá chuyển nhượng là 12.490 VND/cổ phần, tổng giá trị chuyển nhượng là 24.730.200.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tổng Công ty không còn kiểm soát Công ty này.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Tài sản và nợ phải trả của các công ty con tại ngày thoái vốn như sau:**

	VPCC	IBS
Tài sản	25.342.860.645	79.873.806.301
Tiền và các khoản tương đương tiền	156.608.928	789.392.879
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	26.261.717.849	13.394.711.783
Trả trước cho người bán ngắn hạn	371.433.190	440.609.846
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	-
Phải thu ngắn hạn khác	222.484.345	4.937.917.871
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(2.763.389.600)	(503.313.296)
Hàng tồn kho	447.507.845	671.943.596
TS ngắn hạn khác	51.112.767	1.055.091.877
TS dài hạn khác	134.265.568	14.126.753.873
Tài sản cố định hữu hình	461.119.753	44.960.697.873
Nợ phải trả	14.049.734.595	53.375.326.360
Phải trả người bán ngắn hạn	6.705.925.800	20.672.379.975
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	2.511.723	230.716.209
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	401.411.191	1.583.001.250
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	-	266.289.712
Phải trả ngắn hạn khác	6.939.885.881	30.622.939.214
Tài sản thuần	11.293.126.050	26.498.479.941
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	719.335.501	91.688.296
Tài sản thuần của Tập đoàn	10.573.790.549	26.233.495.142
Tỷ lệ vốn chuyển nhượng	100%	100%
Tài sản thuần chuyển nhượng	10.573.790.549	26.233.495.142

Lãi/(Lỗ) liên quan đến thoái vốn tại các công ty con như sau:

	VPCC	IBS
Giá chuyển nhượng	11.740.400.000	24.730.200.000
Giá trị còn lại của chênh lệch đánh giá lại tài sản	10.573.790.549	26.233.495.142
Lãi/(Lỗ) thoái vốn	1.166.609.451	(1.503.295.142)

Tiền thu thuần từ việc thoái vốn tại các Công ty con:

Thu bằng tiền	36.470.600.000
Tiền và các khoản tương đương tiền tại các Công ty con tại ngày chuyển nhượng	(946.001.807)
Tiền thu thuần	35.524.598.193

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Việt Nam	Số 26 đường Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội	Bán xăng dầu	-	93,63%	-	93,63%
Công ty Cổ phần IBS Việt Nam	Số 26 phố Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	Cho thuê bất động sản và cung cấp thiết bị tin học, truyền thông	-	99%	-	99%
Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện	Tầng 5, Lô 18 Khu Đô Thị Định Công, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội	Môi giới nhà đất, mua bán BĐS và dịch vụ khác	95,32%	95,32%	95,32%	49,00%

5c. Danh sách các công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu theo cam kết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Lanexang	Số 13, đường Suphanuvong, thành phố Viêng Chăn, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	50,00%	50,00%
Công ty Cổ phần Kasati	270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP Hồ Chí Minh	21,30%	21,30%

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 Tập đoàn có 2.431 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 2.292 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Bảo hiểm ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 về hướng dẫn chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Lãnh đạo đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Bảo hiểm ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá xấp xỉ không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng ngày trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tập đoàn có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯỞI ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán: giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm kết thúc năm tài chính.
- Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết và các doanh nghiệp Nhà nước thực hiện cổ phần hóa dưới hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng (UPCOM): giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm kết thúc năm tài chính do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.
- Trường hợp cổ phiếu đã niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc cổ phiếu của công ty cổ phần đã đăng ký giao dịch trên thị trường Upcom không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trích lập dự phòng, cổ phiếu đã niêm yết bị hủy niêm yết, bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch: việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của công ty được đầu tư mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của Công ty so với tổng số vốn điều lệ thực góp.
- Đối với trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu doanh nghiệp: giá trái phiếu đối với trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu doanh nghiệp đã niêm yết, đăng ký giao dịch là giá giao dịch gần nhất tại Sở Giao dịch chứng khoán trong vòng 10 ngày tính đến thời điểm kết thúc năm tài chính. Trường hợp không có giao dịch trong vòng 10 ngày tính đến thời điểm kết thúc năm tài chính thì không thực hiện trích lập dự phòng đối với khoản đầu tư này.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng năm tài chính với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các năm sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Tập đoàn so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là chủ yếu là chi phí kinh doanh chờ phân bổ, chi phí hoa hồng chưa phân bổ, tiền thuê văn phòng và công cụ dụng cụ. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi phí kinh doanh chờ phân bổ

Chi phí kinh doanh phát sinh từ nghiệp vụ Bảo hiểm bảo an tín dụng chưa phân bổ trong năm. Chi phí kinh doanh này được ghi nhận và phân bổ tương ứng với phương pháp trích lập dự phòng phí bảo hiểm chưa được hưởng của nghiệp vụ bảo hiểm này.

Chi phí hoa hồng chưa phân bổ

Chi phí hoa hồng bảo hiểm được xác định theo tỷ lệ quy định trên doanh thu hoạt động kinh doanh bảo hiểm và được giữ lại trên tài khoản chi phí hoa hồng chưa được phân bổ tương ứng theo tỷ lệ dự phòng phí chưa được hưởng.

Tiền thuê văn phòng

Tiền thuê văn phòng được phân bổ theo thời hạn thuê quy định trên hợp đồng thuê.

Công cụ dụng cụ

Công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng có giá trị từ 5 triệu đồng trở lên phân bổ trong 2 năm, công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng có giá trị nhỏ hơn 5 triệu đồng phân bổ trong 1 năm.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 – 35
Máy móc và thiết bị	05 – 06
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không tính khấu hao, quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời hạn sử dụng.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 - 04 năm.

11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tập đoàn được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Cơ sở hạ tầng	20 - 50

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

315-C
NHÀ
NG T
EM H
V VÀ
& C
HÀ N
A - T

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

14. Các quỹ dự phòng nghiệp vụ và chi phí hoa hồng chưa được phân bổ

Tập đoàn trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm theo quy định tại Thông tư số 50/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 15 tháng 5 năm 2017 và Công văn phê duyệt số 3281/BTC-QLBH ngày 23 tháng 3 năm 2018 của Cục Quản lý, Giám sát bảo hiểm – Bộ Tài chính. Chi tiết như sau:

14.1. Nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ

Dự phòng phí chưa được hưởng

Dự phòng phí chưa được hưởng đối với các hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm có thời hạn 1 năm trở xuống được trích lập theo tỷ lệ phần trăm của tổng phí bảo hiểm giữ lại, cụ thể:

- Đối với bảo hiểm hàng hoá, dự phòng phí chưa được hưởng được trích bằng 25% trên tổng phí giữ lại.
- Đối với các nghiệp vụ bảo hiểm khác, dự phòng phí chưa được hưởng được trích bằng 50% trên tổng phí giữ lại.

Dự phòng phí chưa được hưởng đối với các hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm có thời hạn trên 1 năm được trích lập theo phương pháp hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm, cụ thể:

$$\text{Dự phòng phí chưa được hưởng} = \frac{\text{Phí bảo hiểm} \times \text{Số ngày bảo hiểm còn lại của hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm}}{\text{Tổng số ngày bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm}}$$

Dự phòng bồi thường

Dự phòng bồi thường cho các yêu cầu bồi thường chưa giải quyết được Tập đoàn trích lập theo phương pháp từng hồ sơ trên cơ sở ước tính tổn thất phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm của Tập đoàn.

Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường được trích lập theo công thức sau đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm:

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Dự phòng bồi thường cho tổn thất đã phát sinh chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu bồi thường cho năm tài chính hiện tại	=	Tổng số tiền bồi thường cho tổn thất đã phát sinh chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu bồi thường của 3 năm tài chính trước liên tiếp	x	Số tiền bồi thường phát sinh của năm tài chính hiện tại	x	Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh của năm tài chính hiện tại	x	Thời gian chậm yêu cầu bồi thường bình quân của năm tài chính hiện tại
		Tổng số tiền bồi thường phát sinh của 3 năm tài chính trước liên tiếp				Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm của năm tài chính trước		Thời gian chậm yêu cầu bồi thường bình quân của năm tài chính trước

Dự phòng dao động lớn

Dự phòng bồi thường cho các dao động lớn về tổn thất được trích lập hàng năm cho đến khi khoản dự phòng này bằng 100% phí thực giữ lại trong năm tài chính. Mức trích lập trong năm là 1% phí giữ lại.

Ngày 28 tháng 12 năm 2005, Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC về việc ban hành và công bố bốn chuẩn mực kế toán Việt Nam bao gồm Chuẩn mực kế toán số 19 về Hợp đồng bảo hiểm. Theo đó, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2006, việc trích lập dự phòng dao động lớn là không cần thiết do khoản dự phòng này phản ánh "các yêu cầu bồi thường không tồn tại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính". Tuy nhiên, Bộ Tài chính chưa có hướng dẫn cụ thể việc áp dụng Chuẩn mực kế toán số 19 và theo quy định tại Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 về việc quy định Chế độ tài chính đối với Doanh nghiệp bảo hiểm, Tập đoàn hiện vẫn trích lập dự phòng dao động lớn.

14.2. Nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe

Dự phòng toán học

Áp dụng đối với các hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm (hợp đồng bảo hiểm) sức khỏe có thời hạn trên 01 năm để đảm bảo được các trách nhiệm đã cam kết khi xảy ra sự kiện bảo hiểm trong tương lai, được trích lập theo phương pháp hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm, cụ thể:

$$\text{Dự phòng phí chưa được hưởng} = \frac{\text{Phí bảo hiểm} \times \text{Số ngày bảo hiểm còn lại của hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm}}{\text{Tổng số ngày bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm}}$$

Dự phòng phí chưa được hưởng

Áp dụng đối với các hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm có thời hạn 1 năm trở xuống, được trích lập theo phương pháp tỷ lệ phần trăm của tổng phí bảo hiểm giữ lại.

Dự phòng bồi thường

Dự phòng bồi thường cho các yêu cầu bồi thường chưa giải quyết được Tập đoàn trích lập theo phương pháp từng hồ sơ trên cơ sở ước tính tổn thất phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm của Tập đoàn.

Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu bồi thường được trích lập theo công thức sau đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm:

Dự phòng bồi thường cho tổn thất đã phát sinh chưa thông báo	=	Tổng số tiền bồi thường cho tổn thất đã phát sinh chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu bồi thường của 3 năm tài chính trước liên tiếp	x	Số tiền bồi thường phát	x	Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh của năm tài chính hiện tại	x	Thời gian chậm yêu cầu bồi thường bình quân của năm tài chính hiện tại
--	---	---	---	-------------------------	---	---	---	--

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

hoặc chưa yêu cầu bồi thường cho năm tài chính hiện tại	=	-----	x	sinh của năm tài chính hiện tại	x	-----	x	-----
		Tổng số tiền bồi thường phát sinh của 3 năm tài chính trước liên tiếp				Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm của năm tài chính trước		Thời gian chậm yêu cầu bồi thường bình quân của năm tài chính trước

Dự phòng đảm bảo cân đối

Mức trích lập dự phòng hàng năm được áp dụng theo tỷ lệ 1% phí bảo hiểm giữ lại theo từng nghiệp vụ bảo hiểm.

Dự phòng này được sử dụng để trả tiền bồi thường khi có biến động lớn về tỷ lệ rủi ro dẫn đến tổng phí bảo hiểm giữ lại trong năm tài chính sau khi đã trích lập dự phòng toán học, dự phòng phí chưa được hưởng và dự phòng bồi thường cho khiếu nại chưa giải quyết không đủ để chi trả số tiền bồi thường thuộc trách nhiệm của Tập đoàn. Số tiền tối đa được sử dụng được tính theo công thức sau:

Số tiền được sử dụng trong năm TC hiện tại	=	Số tiền bồi thường thuộc trách nhiệm giữ lại trong năm TC hiện tại	-	Tổng phí bảo hiểm giữ lại của năm TC hiện tại	-	Dự phòng phí chưa được hưởng tương ứng với trách nhiệm giữ lại phải trích lập trong năm TC hiện tại	-	Dự phòng bồi thường tương ứng với trách nhiệm giữ lại cho khiếu nại chưa giải quyết phải lập vào năm TC hiện tại
--	---	--	---	---	---	---	---	--

15. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Tập đoàn.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

16. Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tập đoàn cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Quỹ dự trữ bắt buộc

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập với mục đích bổ sung vốn điều lệ và đảm bảo khả năng thanh toán của Tập đoàn. Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập bằng 5% lợi nhuận sau thuế hàng năm và số dư tối đa bằng 10% vốn điều lệ theo quy định tại Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 do Chính phủ ban hành ngày 01 tháng 7 năm 2016.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các quỹ khác

Các quỹ khác được trích lập và sử dụng theo Điều lệ và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, chi phí

17.1. Hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc

Doanh thu phí bảo hiểm gốc

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận theo quy định tại Thông tư số 50/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 15 tháng 5 năm 2017 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về Chế độ tài chính đối với Doanh nghiệp bảo hiểm và Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm. Cụ thể như sau:

- (1) Khi hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết giữa doanh nghiệp và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm;
- (2) Có bằng chứng về việc hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm;
- (3) Khi hợp đồng bảo hiểm đã giao kết, doanh nghiệp có thỏa thuận với bên mua bảo hiểm về thời hạn thanh toán phí bảo hiểm (bao gồm cả thời gian gia hạn).

Trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm thỏa thuận với bên mua bảo hiểm việc đóng phí bảo hiểm theo kỳ thì doanh nghiệp hạch toán doanh thu khoản phí bảo hiểm của kỳ đóng phí bảo hiểm đầu tiên khi bắt đầu thời hạn bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm và chỉ hạch toán doanh thu khoản phí bảo hiểm của các kỳ đóng phí bảo hiểm tiếp theo khi bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm.

Chi bồi thường

Chi phí bồi thường được ghi nhận khi hồ sơ bồi thường hoàn tất và được người có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp chưa có kết luận số tiền bồi thường cuối cùng nhưng Tập đoàn chắc chắn tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm và thanh toán một phần số tiền bồi thường cho khách hàng. Những vụ bồi thường chưa được phê duyệt tại thời điểm cuối năm được coi là chưa giải quyết và được thống kê để trích lập dự phòng bồi thường.

Hoa hồng

Chi phí hoa hồng được tính theo tỷ lệ phần trăm trên doanh thu phí bảo hiểm gốc và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Hoa hồng của mỗi loại sản phẩm được tính theo tỷ lệ riêng theo Thông tư số 50/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 15 tháng 5 năm 2017 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về Luật kinh doanh bảo hiểm.

17.2. Hoạt động nhận tái bảo hiểm

Nhận tái bảo hiểm theo các thoả thuận tái bảo hiểm cố định

Doanh thu và chi phí nhận tái bảo hiểm theo các thoả thuận tái bảo hiểm cố định được ghi nhận khi nhận được các bảng thanh toán từ các công ty nhượng tái bảo hiểm. Tại thời điểm lập các báo cáo tài chính, chi phí liên quan đến những giao dịch nằm trong phạm vi của các thoả thuận tái bảo hiểm cố định nhưng chưa nhận được bảng thanh toán từ các công ty nhượng tái bảo hiểm sẽ được ước tính dựa trên số liệu thống kê và số liệu ước tính của nhà nhượng tái bảo hiểm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Nhận tái bảo hiểm theo các hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời

Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời đã được ký kết và đã nhận được bảng kê thanh toán (đối với từng thỏa thuận tái bảo hiểm tạm thời) từ công ty nhượng tái bảo hiểm.

Chi phí bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh nghĩa vụ bồi thường theo cam kết và nhận được bảng kê thanh toán từ công ty nhượng tái bảo hiểm.

Hoa hồng nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi chấp nhận thỏa thuận tái bảo hiểm và nhận được bảng kê thanh toán từ công ty nhượng tái bảo hiểm.

17.3. Hoạt động nhượng tái bảo hiểm

Phí nhượng tái bảo hiểm theo các thỏa thuận bảo hiểm cố định được ghi nhận khi doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi các thỏa thuận này đã được ghi nhận.

Phí nhượng tái bảo hiểm tạm thời được ghi nhận khi hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời đã được ký kết và doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi hợp đồng này đã được ghi nhận.

Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi có bằng chứng hiện hữu về nghĩa vụ của bên nhận tái bảo hiểm.

Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi phí nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận.

17.4. Hoạt động đầu tư

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

Chi phí hoạt động đầu tư

Chi phí hoạt động đầu tư bao gồm các chi phí tập hợp trực tiếp phát sinh liên quan đến hoạt động đầu tư và chi phí dùng chung phân bổ.

Chi phí tập hợp trực tiếp bao gồm: chi phí lương bộ phận đầu tư, chi phí quản lý danh mục đầu tư, dự phòng giảm giá các khoản đầu tư, lỗ kinh doanh chứng khoán, chi phí giao dịch chứng khoán, chi phí liên quan đến hoạt động bất động sản.

Chi phí dùng chung phân bổ cho bộ phận đầu tư theo tỷ lệ doanh thu hoạt động tài chính trên tổng doanh thu thực hiện trong năm.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm là thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

22. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính Tập đoàn gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

00/
NH
TY
HUU
TU
C
NO
TP

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	6.211.818.530	7.262.997.130
Tiền gửi ngân hàng	274.515.925.667	107.623.805.515
Tiền đang chuyển	17.291.154.000	3.255.580.000
Cộng	298.018.898.197	118.142.382.645

2. Đầu tư ngắn hạn

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Chứng khoán niêm yết	5.773.214.858	6.392.200.000	-	354.701.122.868	222.571.116.000	(137.506.487.068)
LPB	-	-	-	176.384.114.856	126.722.400.000	(57.671.626.556)
OIL	-	-	-	121.619.935.754	56.570.010.000	(62.416.494.254)
HUT	-	-	-	33.347.829.873	20.256.720.000	(13.091.109.873)
KDH	4.507.664.968	4.981.000.000	-	-	-	-
CKG	1.265.549.890	1.411.200.000	-	-	-	-
Các mã khác	-	-	-	23.349.242.385	19.021.986.000	(4.327.256.385)
Chứng khoán chưa niêm yết	-	-	-	159.994.380.350	-	-
ALS	-	-	-	60.000.000.000	-	-
OCB	-	-	-	99.994.380.350	-	-
Cộng	5.773.214.858	6.392.200.000	-	514.695.503.218	222.571.116.000	(137.506.487.068)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	137.506.487.068	76.375.920.784
Trích lập dự phòng bổ sung	-	77.924.924.703
Hoàn nhập dự phòng	(137.506.487.068)	(16.794.358.419)
Số cuối năm	-	137.506.487.068

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Ngắn hạn	3.097.314.669.747	-	2.801.237.817.444	-
Tiền gửi có kỳ hạn	2.997.314.669.747	-	2.696.403.517.444	-
Đầu tư trái phiếu	100.000.000.000	-	100.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai ⁽ⁱ⁾	100.000.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành công	-	-	50.000.000.000	-
Công ty Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	-	-	50.000.000.000	-
Ủy thác đầu tư ngắn hạn	-	-	4.834.300.000	-
Dài hạn	963.000.000.000 (7.344.000.000)		462.837.552.461 (7.344.000.000)	
Tiền gửi có kỳ hạn	755.000.000.000	-	341.924.109.589	-
Đầu tư trái phiếu	200.000.000.000	-	100.000.000.000	-
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp ⁽ⁱⁱ⁾	100.000.000.000	-	-	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt ⁽ⁱⁱⁱ⁾	100.000.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	-	-	100.000.000.000	-
Ủy thác quản lý danh mục đầu tư	8.000.000.000 (7.344.000.000)		20.913.442.872 (7.344.000.000)	
Cộng	4.060.314.669.747 (7.344.000.000)		3.264.075.369.905 (7.344.000.000)	

(i) Tập đoàn nắm giữ 1.000 trái phiếu tương đương 100.000.000.000 VND do Công ty Cổ phần Điện Gia Lai phát hành, kỳ hạn 2 năm kể từ ngày 14 tháng 6 năm 2019, lãi suất 12,0%/năm.

(ii) Tập đoàn nắm giữ 1.000.000 trái phiếu tương đương 100.000.000.000 VND do Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp phát hành, kỳ hạn 2 năm kể từ ngày 25 tháng 6 năm 2020, lãi suất 10,9%/năm.

(iii) Tập đoàn nắm giữ 10.000 trái phiếu tương đương 100.000.000.000 VND do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt phát hành, kỳ hạn 07 năm kể từ ngày 24 tháng 11 năm 2020, lãi suất năm đầu tiên là 8,1%/năm, năm thứ 2 biên 2,3%, từ năm thứ 3 trở đi biên 3,3%/năm cộng bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng, trả lãi sau của 4 Ngân hàng Vietcombank, BIDV, Viettinbank và Agribank. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt cam kết mua lại trước hạn trái phiếu vào ngày tròn 2 năm kể từ ngày phát hành trái phiếu trên cơ sở theo đúng quy định của Ngân hàng Nhà nước và Pháp luật.

2c. Đầu tư vào Công ty liên kết

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Lanexang ⁽ⁱ⁾	20.152.200.000	(2.490.892.566)	17.661.307.434	20.152.200.000	6.420.408.828	26.572.608.828
Công ty Cổ phần Kasati ⁽ⁱⁱ⁾	14.292.700.000	1.884.009.639	16.176.709.639	14.292.700.000	1.518.662.585	15.811.362.585
Cộng	34.444.900.000	(606.882.927)	33.838.017.073	34.444.900.000	7.939.071.413	42.383.971.413

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯƠ ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (i) Theo Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 347/BKH-ĐTRNN-ĐC3 ngày 30 tháng 9 năm 2014 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, Tập đoàn đầu tư vào Công ty Cổ phần Bảo hiểm Lanexang 1.000.000 USD, tương đương 50 % vốn điều lệ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tập đoàn đã đầu tư đủ số vốn theo đăng ký là 1.000.000 USD tương đương 20.152.200.000 VND.
- (ii) Tổng Công ty đã mua 638.090 cổ phần của Công ty Cổ phần Kasati tương đương 21,3 % vốn điều lệ với giá mua là 14.292.700.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tập đoàn sở hữu 638.090 cổ phần, chiếm 21,3% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Kasati.

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết như sau:

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Phần lãi hoặc lỗ trong năm	Trích lập các quỹ tại Công ty liên kết	Giá trị phần sở hữu cuối năm
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Lanexang	26.572.608.828	(8.911.301.394)	-	17.661.307.434
Công ty Cổ phần Kasati	15.811.362.585	1.788.493.052	(1.423.145.998)	16.176.709.639
Cộng	42.383.971.413	(7.122.808.342)	(1.423.145.998)	33.838.017.073

Tình hình hoạt động của các công ty liên kết

Các công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với các công ty liên kết

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Lanexang		
<i>Nhượng tái bảo hiểm</i>		
Phí nhượng tái bảo hiểm	167.046.303.205	329.569.299.169
Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	71.354.156.987	143.333.868.530
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	58.049.611.112	151.944.907.741
Thu khác hoạt động nhượng tái	37.934.739.566	27.637.834.780
<i>Nhận tái bảo hiểm</i>		
Phí nhận tái bảo hiểm	9.226.090.188	8.466.548.558
Chi hoa hồng nhận tái bảo hiểm	2.013.991.846	2.129.067.251
Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	1.253.039.762	2.677.453.481
<i>Cổ tức</i>		
Cổ tức ghi nhận trong năm	-	985.308.960
Công ty Cổ phần Kasati		
Cổ tức ghi nhận trong năm	1.190.675.940	957.135.000

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**2d. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Chế biến thủy sản Út Xi	15.000.000.000	(5.999.403.745)	15.000.000.000	(4.469.439.932)
Công ty Cổ phần Du lịch Bưu điện	2.940.000.000	-	2.940.000.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ số liệu Toàn Cầu	5.699.400.000	-	17.080.000.000	-
Công ty Cổ phần Huawei Việt Nam	5.800.000.000	-	5.800.000.000	-
Công ty Cổ phần Bất động sản Phương Nam	65.000.000	-	65.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ và Truyền thông	625.000.000	-	625.000.000	-
Công ty Cổ phần 36	-	-	54.863.299.985	(35.929.131.252)
Cộng	30.129.400.000	(5.999.403.745)	96.373.299.985	(40.398.571.184)

2e. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	7.344.000.000	7.344.000.000
Dự phòng Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	5.999.403.745	40.398.571.184
Cộng	13.343.403.745	47.742.571.184

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	47.742.571.184	83.623.256.530
Trích lập dự phòng bổ sung	1.529.963.813	-
Sử dụng dự phòng	(35.929.131.252)	(25.176.375.649)
Hoàn nhập dự phòng	-	(10.704.309.697)
Số cuối năm	13.343.403.745	47.742.571.184

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu về phí bảo hiểm gốc	369.497.986.705	340.234.806.699
Phải thu về tái bảo hiểm	170.867.769.920	268.081.519.036
Phải thu khác của khách hàng	3.310.208.000	44.262.071.292
Cộng	543.675.964.625	652.578.397.027

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước về bồi thường bảo hiểm gốc	107.207.718.750	69.265.768.884
Trả trước khác về hoạt động bảo hiểm gốc	836.751.977	1.030.789.360
Trả trước cho nhà cung cấp khác	183.008.254.292	20.164.249.854
Cộng	291.052.725.019	90.460.808.098

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯỞI ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Các khoản phải thu khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi dự thu hoạt động tài chính	210.203.745.458	166.476.012.232
Tạm ứng hoa hồng đại lý	22.312.932.836	21.263.982.840
Phải thu lại tiền bồi thường đã chuyển cho Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Khải Thành (do toà án đã có quyết định PTI không phải bồi thường)	5.614.181.754	5.614.181.754
Tạm ứng	13.601.079.747	14.667.161.599
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	6.541.684.562	1.638.862.379
Các khoản phải thu khác	17.075.554.829	39.765.227.671
Cộng	<u>275.349.179.186</u>	<u>249.425.428.475</u>

5b. Phải thu dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ký cược, ký quỹ	8.200.000.000	10.280.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Gia Tuệ - Dự án biệt thự Đà Lạt	40.649.373.334	60.639.373.334
Các khoản phải thu dài hạn khác	9.291.728.901	12.090.015.844
Cộng	<u>58.141.102.235</u>	<u>83.009.389.178</u>

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm	336.651.842	754.492.530
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	854.212.224	1.319.189.201
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	24.154.694.672	1.319.264.949
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên	79.477.182.212	45.085.886.187
Cộng	<u>104.822.740.950</u>	<u>48.478.832.867</u>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	48.478.832.867	60.832.254.221
Trích lập dự phòng bổ sung	60.088.410.321	511.115.483
Sử dụng dự phòng	-	(11.146.059.438)
Hoàn nhập dự phòng	(477.799.342)	(1.718.477.399)
Giảm do thanh lý Công ty con	(3.266.702.896)	-
Số cuối năm	<u>104.822.740.950</u>	<u>48.478.832.867</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	1.470.610.329	5.042.401.632
Công cụ, dụng cụ	399.201.390	446.455.942
Hàng hóa	155.690.000	10.510.375.086
Cộng	<u>2.025.501.719</u>	<u>15.999.232.660</u>

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí hoa hồng chờ phân bổ (*)	404.700.563.407	392.345.860.078
Các chi phí kinh doanh chờ phân bổ (**)	184.363.217.865	-
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	46.000.000	643.097.698
Cộng	<u>589.109.781.272</u>	<u>392.988.957.776</u>

(*) Biến động tăng, giảm chi phí hoa hồng chờ phân bổ trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số dư đầu năm	392.345.860.078	233.777.609.509
Số phát sinh trong năm	681.899.837.292	672.596.802.275
Số đã phân bổ vào chi phí trong năm	(669.545.133.963)	(514.028.551.706)
Số dư cuối năm	<u>404.700.563.407</u>	<u>392.345.860.078</u>

(**) Chi phí kinh doanh phát sinh từ nghiệp vụ Bảo hiểm bảo an tín dụng chưa phân bổ trong năm. Chi phí kinh doanh này được ghi nhận và phân bổ tương ứng với phương pháp trích lập dự phòng phí bảo hiểm chưa được hưởng của nghiệp vụ bảo hiểm này.

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ	4.302.645.026	6.219.685.369
Chi phí thuê nhà	4.856.862.306	4.293.023.339
Các khoản chi phí khác	30.011.808.447	22.025.252.776
Cộng	<u>39.171.315.779</u>	<u>32.537.961.484</u>

9. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.746.480	801.988
Thuế thu nhập cá nhân	564.620.872	384.274.774
Các loại thuế khác	11.803.303	89.153.569
Cộng	<u>579.170.655</u>	<u>474.230.331</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	53.392.648.892	13.913.270.996	113.428.484.970	35.156.273.956	215.890.678.814
Mua trong năm	-	-	12.237.037.182	5.603.348.455	17.840.385.637
XDCB hoàn thành	6.458.842.680	-	-	-	6.458.842.680
Giảm do thanh lý Công ty con	(37.855.912.162)	(13.676.000.996)	(3.014.317.108)	(69.500.000)	(54.615.730.266)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(4.035.281.732)	-	(4.035.281.732)
Số cuối năm	21.995.579.410	237.270.000	118.615.923.312	40.690.122.411	181.538.895.133
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	33.850.000	25.899.035.704	17.044.359.126	42.977.244.830
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	26.959.018.606	1.018.628.295	65.401.062.919	23.579.946.333	116.958.656.153
Khấu hao trong năm	630.205.625	33.529.336	8.611.931.975	4.455.664.672	13.731.331.608
Giảm do thanh lý Công ty con	(23.566.938.132)	(895.501.755)	(2.029.832.892)	(69.500.000)	(26.561.772.779)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(3.432.677.281)	-	(3.432.677.281)
Số cuối năm	4.022.286.099	156.655.876	68.550.484.721	27.966.111.005	100.695.537.701
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	26.433.630.286	12.894.642.701	48.027.422.051	11.576.327.623	98.932.022.661
Số cuối năm	17.973.293.311	80.614.124	50.065.438.591	12.724.011.406	80.843.357.432
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-

00
 ANH
 TY
 HỮU
 HỮU
 C
 NỘ
 TP

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	5.096.806.800	13.540.285.686	18.637.092.486
Mua trong năm	6.380.470.000	2.451.000.000	8.831.470.000
Giảm do thanh lý Công ty con	-	(126.500.000)	(126.500.000)
Số cuối năm	11.477.276.800	15.864.785.686	27.342.062.486
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	7.456.858.567	7.456.858.567
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	10.312.457.358	10.312.457.358
Khấu hao trong năm	-	2.360.004.872	2.360.004.872
Giảm do thanh lý Công ty con	-	(126.500.000)	(126.500.000)
Số cuối năm	-	12.545.962.230	12.545.962.230
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	5.096.806.800	3.227.828.328	8.324.635.128
Số cuối năm	11.477.276.800	3.318.823.456	14.796.100.256
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng			

12. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư của Tập đoàn chỉ bao gồm nhà cửa, vật kiến trúc dùng để cho thuê.

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	145.709.389.296	11.440.137.859	134.269.251.437
Khấu hao trong năm	-	3.536.620.030	(3.536.620.030)
Thanh lý, nhượng bán	(24.606.063.108)	(804.352.801)	(23.801.710.307)
Số cuối năm	121.103.326.188	14.172.405.088	106.930.921.100

Theo quy định tại Thông tư 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Tập đoàn hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Sàn thương mại tại Cao ốc căn hệ Thủy lợi 4	86.512.743.262	9.200.494.746	77.312.248.516
FLC Quy Nhơn	22.557.136.380	4.519.929.439	18.037.206.941
Dự án Tasco	12.033.446.546	451.980.903	11.581.465.643
Cộng	121.103.326.188	14.172.405.088	106.930.921.100

Thu nhập và chi phí từ việc cho thuê bất động sản trong năm lần lượt là 13.152.907.119 VND và 3.479.598.879 VND (số năm trước là 14.119.395.850 VND và 5.058.473.323 VND).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**13. Chi phí xây dựng cơ bản**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển tăng tài sản trong năm	Giảm do thanh lý Công ty con	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	10.956.459.398	11.792.305.611	(6.458.842.680)	-	16.289.922.329
XDCB dở dang	38.340.017.916	-	-	(28.542.791.797)	9.797.226.119
Cộng	49.296.477.314	11.792.305.611	(6.458.842.680)	(28.542.791.797)	26.087.148.448

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả về hoạt động bảo hiểm gốc	165.745.617.292	144.799.167.468
Phải trả về hoạt động tái bảo hiểm	261.239.702.159	338.244.791.629
Phải trả nhà đồng bảo hiểm	14.254.003.451	17.528.041.475
Phải trả cho nhà cung cấp khác	30.025.345.739	54.376.319.197
Cộng	471.264.668.641	554.948.319.769

15. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả trước về hoạt động bảo hiểm gốc	5.164.869.408	6.605.563.922
Người mua trả tiền trước hoạt động khác	-	211.622.914
Cộng	5.164.869.408	6.817.186.836

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	28.493.639.383	25.185.493.185
Thuế thu nhập doanh nghiệp	20.515.572.973	14.414.608.010
Thuế thu nhập cá nhân	11.064.251.720	11.570.518.192
Các loại thuế khác	237.595.086	448.274.098
Cộng	60.311.059.162	51.618.893.485

Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước:

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Giảm do thanh lý Công ty con	Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp		Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	25.185.493.185	801.988	214.734.709.629	(211.269.783.134)	(158.724.789)	28.493.639.383	2.746.480
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	14.414.608.010	-	54.996.603.996	(47.335.736.465)	(1.559.902.567)	20.515.572.973	-
Thuế thu nhập cá nhân	11.570.518.192	384.274.774	50.895.637.794	(51.340.464.921)	(241.785.443)	11.064.251.720	564.620.872
Các loại thuế khác	448.274.098	89.153.569	1.593.249.290	(1.735.672.052)	9.094.016	237.595.086	11.803.303
Cộng	51.618.893.485	474.230.331	322.220.200.709	(311.681.656.572)	(1.951.318.783)	60.311.059.162	579.170.655

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(*) Thuế TNDN phải nộp tính vào chi phí công ty	54.948.087.951
Thuế TNDN phải nộp thu lại của cá nhân	48.516.045
Cộng	54.996.603.996

Thuế giá trị gia tăng

Các Công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các Công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Các Công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

17. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Là phí bảo hiểm gốc nhận trước cho các kỳ sau.

18. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	293.161.262.536	155.855.656.519
Hoa hồng nhượng tái phát sinh trong năm	597.037.212.188	518.578.082.384
Phân bổ vào doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm trong năm	(536.833.281.524)	(381.272.476.367)
Số cuối năm	353.365.193.200	293.161.262.536

19. Các khoản phải trả, phải nộp khác

19a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	5.462.920.349	4.749.641.271
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	395.317.365	580.138.788
Các khoản đóng góp quỹ bảo hiểm	18.269.196.554	18.181.965.051
Cổ tức phải trả	10.309.046.235	9.657.149.161
Thuế nhà thầu tạm giữ	2.725.779.722	2.474.729.464
Thu phí của VNPost chưa đối chiếu	26.297.991.663	19.528.905.584
Quỹ khen thưởng khách hàng	1.427.012.941	2.623.473.949
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	20.735.736	855.136.400
Ứng trước tiền bán chứng khoán	-	6.663.249.226
Phải trả phải nộp khác	39.875.927.184	40.796.091.596
Cộng	104.783.927.749	106.110.480.490

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19b. Phải trả dài hạn khác

Là các khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn.

20. Vay

20a. Vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay tổ chức, cá nhân	-	5.095.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh V.20b)	-	1.192.285.564
Cộng	-	6.287.285.564

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay của tổ chức, cá nhân	Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả	Tổng
Số đầu năm	-	920.000.000	5.367.285.564	6.287.285.564
Số tiền vay phát sinh trong năm	268.700.000.000	-	-	268.700.000.000
Phân loại vay dài hạn đến hạn trả	-	-	4.248.528.090	4.248.528.090
Số tiền vay đã trả trong năm	(268.700.000.000)	-	-	(268.700.000.000)
Giảm do thanh lý Công ty con	-	(920.000.000)	(9.615.813.654)	(10.535.813.654)
Số cuối năm	-	-	-	-

20b. Vay dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân Hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Cầu Giấy	-	5.846.450.933
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Gia Lâm	-	5.514.250.721
Cộng	-	11.360.701.654

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	11.360.701.654	7.529.552.184
Số tiền vay phát sinh trong năm	2.005.152.192	5.281.927.372
Kết chuyển vay đến hạn trả	(4.248.528.090)	-
Số tiền vay đã trả trong năm	-	(1.450.777.902)
Giảm do thanh lý Công ty con	(9.117.325.756)	-
Số cuối năm	-	11.360.701.654

21. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Là dự phòng quỹ tiền lương phải chi trả trong năm 2021 đã được Chủ tịch Hội đồng tiền lương Tổng Công ty, Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

22. Dự phòng nghiệp vụ

22a. Dự phòng bồi thường và dự phòng phí chưa được hưởng	Năm nay			Năm trước		
	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng bồi thường và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng BH gốc và nhận tái BH thuần	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng bồi thường và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng BH gốc và nhận tái BH thuần
	(1)	(2)	(3) = (1) – (2)	(4)	(5)	(6) = (4) – (5)
1. Dự phòng bồi thường ⁽ⁱ⁾	1.203.186.839.531	521.255.463.634	681.931.375.897	1.161.842.936.713	609.646.277.303	552.196.659.410
Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết	1.082.042.059.961	483.962.717.471	598.079.342.490	1.018.867.697.213	519.422.155.045	499.445.542.168
Dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo	121.144.779.570	37.292.746.163	83.852.033.407	142.975.239.500	90.224.122.258	52.751.117.242
2. Dự phòng phí chưa được hưởng ⁽ⁱⁱ⁾	3.126.304.107.134	894.555.566.300	2.231.748.540.834	3.160.260.976.999	1.373.748.583.697	1.786.512.393.302
Cộng	<u>4.329.490.946.665</u>	<u>1.415.811.029.934</u>	<u>2.913.679.916.731</u>	<u>4.322.103.913.712</u>	<u>1.983.394.861.000</u>	<u>2.338.709.052.712</u>
<i>Trong đó chi tiết:</i>						
⁽ⁱ⁾ Dự phòng bồi thường						
Số đầu năm	1.161.842.936.713	609.646.277.303	552.196.659.410	896.915.750.913	347.425.959.496	549.489.791.417
Số trích lập trong năm	41.343.902.818	-	41.343.902.818	264.927.185.800	262.220.317.807	2.706.867.993
Số hoàn nhập trong năm	-	(88.390.813.669)	88.390.813.669	-	-	-
Số cuối năm	<u>1.203.186.839.531</u>	<u>521.255.463.634</u>	<u>681.931.375.897</u>	<u>1.161.842.936.713</u>	<u>609.646.277.303</u>	<u>552.196.659.410</u>
⁽ⁱⁱ⁾ Dự phòng phí chưa được hưởng						
Số đầu năm	3.160.260.976.999	1.373.748.583.697	1.786.512.393.302	2.144.592.205.609	732.477.619.828	1.412.114.585.781
Số trích lập trong năm	-	-	-	1.015.668.771.390	641.270.963.869	374.397.807.521
Số hoàn nhập trong năm	(33.956.869.865)	(479.193.017.397)	445.236.147.532	-	-	-
Số cuối năm	<u>3.126.304.107.134</u>	<u>894.555.566.300</u>	<u>2.231.748.540.834</u>	<u>3.160.260.976.999</u>	<u>1.373.748.583.697</u>	<u>1.786.512.393.302</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

22b. Tài sản tái bảo hiểm

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm</i>	<i>521.255.463.634</i>	<i>609.646.277.303</i>
Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết	483.962.717.471	519.422.155.045
Dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo	37.292.746.163	90.224.122.258
<i>Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm</i>	<i>894.555.566.300</i>	<i>1.373.748.583.697</i>
Cộng	1.415.811.029.934	1.983.394.861.000

22c. Dự phòng dao động lớn

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	103.775.184.431	98.160.886.772
Số trích lập thêm trong năm	44.022.584.353	35.614.297.659
Số sử dụng trong năm	(105.291.442.343)	(30.000.000.000)
Số dư cuối năm	42.506.326.441	103.775.184.431

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

23. Vốn chủ sở hữu**23a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ dự trữ bắt buộc		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Cộng	
Số dư đầu năm trước	803.957.090.000	827.943.052.804	22.644.374.262	49.884.763.553	110.585.835.597	964.205.519	1.815.979.321.735							
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	49.884.763.553	110.585.835.597	964.205.519	1.815.979.321.735							
Trích lập các quỹ	-	-	283.476.595	5.517.694.958	(5.969.471.554)	(1.700.000)	113.408.445.338							
Chia cổ tức	-	-	-	-	(64.316.567.200)	(22.000.000)	(170.000.001)							
Trích quỹ Khen thưởng khách hàng	-	-	-	-	(183.476.595)	-	(183.476.595)							
Trích thù lao HĐQT, BKS	-	-	-	-	(1.071.822.977)	(1.560.000)	(1.073.382.977)							
Trích quỹ thưởng Ban lãnh đạo	-	-	-	-	(366.953.190)	-	(366.953.190)							
Hợp nhất theo vốn chủ	-	-	-	-	-	-	4.307.070.547							
Điều chỉnh lợi ích cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	(21.778.439)	21.778.439	4.307.070.547							
Số dư cuối năm trước	803.957.090.000	827.943.052.804	22.927.850.857	55.402.458.511	151.901.227.577	5.430.777.908	1.867.562.457.657							
Số dư đầu năm nay	803.957.090.000	827.943.052.804	22.927.850.857	55.402.458.511	151.901.227.577	5.430.777.908	1.867.562.457.657							
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	240.096.398.819	(949.935.826)	239.146.462.993							
Trích lập các quỹ	-	-	1.103.538.992	12.509.579.078	(13.613.118.070)	-	239.146.462.993							
Chia cổ tức	-	-	-	-	(80.395.709.000)	-	(80.395.709.000)							
Trích quỹ Khen thưởng khách hàng	-	-	-	-	(1.103.538.992)	-	(1.103.538.992)							
Trích thù lao HĐQT, BKS	-	-	-	-	(1.103.538.992)	-	(1.103.538.992)							
Trích quỹ thưởng Ban lãnh đạo	-	-	-	-	(2.207.077.983)	-	(2.207.077.983)							
Giảm do thanh lý Công ty con	-	-	(513.660.000)	-	844.718.147	(1.077.277.037)	(746.218.890)							
Số dư cuối năm nay	803.957.090.000	827.943.052.804	23.517.729.849	67.912.037.589	294.419.361.506	3.403.565.045	2.021.152.836.793							

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

23b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn góp của các cổ đông	803.957.090.000	803.957.090.000
Vốn đầu tư của Nhà nước	182.256.480.000	182.256.480.000
Vốn góp của các cổ đông khác	621.700.610.000	621.700.610.000
Thặng dư vốn cổ phần	827.943.052.804	827.943.052.804
Cộng	1.631.900.142.804	1.631.900.142.804

23c. Cổ tức

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức chưa trả đầu năm	9.657.149.161	10.686.233.993
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm trước	80.395.709.000	64.316.567.200
Cổ tức đã trả trong năm	(79.743.811.926)	(65.345.652.032)
Cổ tức chưa trả cuối năm	10.309.046.235	9.657.149.161

23d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	80.400.000	80.400.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	80.395.709	80.395.709
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	80.395.709	80.395.709

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

23e. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Tổng Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 49/NQ-PTI-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 6 năm 2020 như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho cổ đông	: 80.395.709.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 1.103.538.992
• Trích quỹ khen thưởng khách hàng	: 1.103.538.992
• Chi thù lao và thưởng HĐQT và BKS	: 1.103.538.992
• Quỹ khen thưởng của Ban điều hành	: 2.207.077.983

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu phí bảo hiểm**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Phí Bảo hiểm gốc	5.959.243.463.387	5.692.726.345.390
<i>Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người</i>	2.040.573.698.383	2.225.234.652.476
<i>Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại</i>	572.212.525.506	373.902.860.316
<i>Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển</i>	136.054.804.410	138.426.064.910
<i>Bảo hiểm hàng không</i>	36.470.470.927	35.029.804.567
<i>Bảo hiểm xe cơ giới</i>	2.684.052.665.309	2.478.432.623.712
<i>Bảo hiểm cháy, nổ</i>	332.347.400.118	326.439.265.780
<i>Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự của chủ tàu</i>	102.048.759.862	71.611.994.098
<i>Bảo hiểm trách nhiệm chung</i>	55.483.138.872	43.649.079.531
Phí nhận tái bảo hiểm	86.310.238.331	108.920.975.323
Tăng (giảm) dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	33.956.869.865	(1.015.668.871.390)
Doanh thu phí bảo hiểm	<u>6.079.510.571.583</u>	<u>4.785.978.449.323</u>

2. Phí nhượng tái bảo hiểm

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Phí nhượng tái bảo hiểm	1.643.295.266.402	2.240.217.554.853
<i>Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người</i>	828.382.041.767	1.342.336.009.441
<i>Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại</i>	376.970.074.132	314.018.251.984
<i>Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển</i>	39.446.118.609	43.217.191.876
<i>Bảo hiểm hàng không</i>	14.104.368.195	18.858.583.399
<i>Bảo hiểm xe cơ giới</i>	(154.341.516)	276.452.482.639
<i>Bảo hiểm cháy, nổ</i>	332.556.908.002	190.298.044.175
<i>Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự của chủ tàu</i>	38.244.274.293	43.162.422.467
<i>Bảo hiểm trách nhiệm chung</i>	13.745.822.920	11.874.568.872
Tăng (giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	479.193.017.397	(641.270.963.869)
Phí nhượng tái bảo hiểm	<u>2.122.488.283.799</u>	<u>1.598.946.590.984</u>

3. Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cho thuê bất động sản đầu tư	13.152.907.119	14.119.395.850
Bán bất động sản đầu tư	10.909.090.909	16.737.188.363
Cộng	<u>24.061.998.028</u>	<u>30.856.584.213</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Tổng chi bồi thường bảo hiểm

	Năm nay	Năm trước
Tổng chi bồi thường	2.047.891.329.348	2.038.496.004.596
Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người	683.222.774.521	543.955.371.932
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	112.238.177.913	140.196.633.628
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	28.306.049.085	66.775.747.977
Bảo hiểm hàng không	16.774.801.203	-
Bảo hiểm xe cơ giới	1.125.368.409.690	1.107.784.850.674
Bảo hiểm cháy, nổ	66.522.099.150	64.052.917.010
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự của chủ tàu	111.719.627.825	131.131.225.688
Bảo hiểm trách nhiệm chung	9.030.832.304	14.599.257.687
Sử dụng quỹ dự phòng dao động lớn	(105.291.442.343)	(30.000.000.000)
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	(532.380.584.002)	(589.960.692.386)
Tăng (giảm) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	41.343.902.818	264.927.185.800
Tăng (giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	88.390.813.669	(262.220.317.806)
Tổng chi bồi thường bảo hiểm	1.645.245.461.833	1.451.242.180.204

5. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm

	Năm nay	Năm trước
Chi hoa hồng bảo hiểm	669.545.133.963	514.028.551.706
Chi quản lý đại lý bảo hiểm	496.404.323.279	494.872.249.974
Chi đề phòng hạn chế tổn thất	17.657.542.225	21.742.060.944
Chi các quỹ bảo hiểm	8.573.866.423	18.427.965.051
Chi phí khác	1.153.028.963.612	1.099.223.015.122
Cộng	2.345.209.829.502	2.148.293.842.797

6. Giá vốn bất động sản đầu tư

	Năm nay	Năm trước
Cho thuê bất động sản đầu tư	3.479.598.879	5.058.473.323
Bán bất động sản đầu tư	10.108.467.031	9.032.504.055
Cộng	13.588.065.910	14.090.977.378

7. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	127.262.795.537	121.818.501.862
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	155.656.776	386.797.985
Lãi hoạt động đầu tư dài hạn	4.587.986.386	24.615.098.570
Lãi kinh doanh chứng khoán	8.676.687.498	20.708.283.702
Cổ tức, lợi nhuận được chia	47.186.789.940	17.523.642.838
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.679.637.857	2.532.181.714
Các khoản khác	19.027.616	317.264.242
Cộng	190.568.581.610	187.901.770.914

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**8. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	8.987.972.292	10.765.068.088
Lỗi thanh lý Công ty con	336.685.691	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh	5.189.115.699	3.593.641.538
Lỗi kinh doanh chứng khoán	110.897.859.151	48.672.124.529
Trích lập/hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư tài chính	(135.976.523.255)	50.426.256.587
Chi phí khác	21.282.053.176	22.308.321.781
Cộng	<u>10.717.162.754</u>	<u>135.765.412.523</u>

9. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	199.118.246.633	307.672.033.558
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	20.138.488.434	23.053.493.203
Chi phí dụng cụ quản lý	9.742.965.630	10.556.563.840
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.091.336.480	15.490.195.447
Thuế, phí và lệ phí	29.280.763.372	25.434.907.432
Chi phí dự phòng	59.610.610.979	(1.207.361.916)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	97.503.979.068	95.453.017.739
Chi phí khác bằng tiền	166.167.489.887	149.061.490.674
Cộng	<u>597.653.880.483</u>	<u>625.514.339.977</u>

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	240.096.398.819	113.245.461.935
Trích quỹ Khen thưởng khách hàng	(2.400.963.988)	(1.103.538.992)
Trích thù lao HĐQT, BKS	(2.400.963.988)	(1.103.538.992)
Trích quỹ thưởng Ban lãnh đạo	(4.801.927.976)	(2.207.077.983)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	230.492.542.867	108.831.305.968
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	80.395.709	80.395.709
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	<u>2.867</u>	<u>1.354</u>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	80.395.709	80.395.709
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	<u>80.395.709</u>	<u>80.395.709</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Số liệu trích quỹ Khen thưởng khách hàng, thù lao HĐQT, BKS, quỹ thưởng Ban lãnh đạo, quỹ khen thưởng, phúc lợi khi xác định Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm nay được tính dựa trên kế hoạch được phê duyệt tại Nghị quyết số 49/NQ-PTI-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 6 năm 2020.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương Ban điều hành	11.903.745.485	12.264.433.350
Thù lao và thưởng Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	2.384.305.942	2.127.344.576
Cộng	14.288.051.427	14.391.777.926

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam	Cổ đông góp vốn
Công ty Bảo hiểm DB	Cổ đông góp vốn
Công ty Cổ phần Chứng khoán VN Direct	Cổ đông góp vốn
Công ty Cổ phần Kasati	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Lanexang	Công ty liên kết
Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán IPA	Công ty có cùng thành viên chủ chốt

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Bảo hiểm DB		
Phí nhượng tái bảo hiểm	15.373.826.035	10.445.927.652
Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	4.883.293.828	3.415.580.103
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	978.697.577	730.587.676
Cổ tức được chia	30.000.000.000	24.000.000.000
Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam		
Cổ tức được chia	18.225.648.000	14.580.518.400
Công ty Cổ phần Chứng khoán Vndirect		
Cổ tức được chia	13.216.055.000	10.572.844.000
Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán IPA		
Thu tiền Ủy thác đầu tư	-	5.000.000.000

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần IBS Việt Nam - phải thu cổ tức	1.500.000.000	8.398.333.000
Công ty TNHH Bảo hiểm Dongbu - phải thu tái bảo hiểm	388.048.070	-
Công ty Bảo hiểm Đại chúng Lanexang - phải thu tái bảo hiểm	1.668.956.514	-
Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán IPA - phải thu hợp tác kinh doanh	-	12.913.442.872
Cộng nợ phải thu	3.557.004.584	12.913.442.872
Công ty Bảo hiểm DB - phải trả tái bảo hiểm	3.754.128.675	1.690.262.049
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Lanexang - phải trả tái bảo hiểm	5.786.394.410	3.701.292.292
Cộng nợ phải trả	9.540.523.085	5.391.554.341

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp.

Lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực bảo hiểm: cung cấp các sản phẩm dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ.
- Lĩnh vực khác: kinh doanh sản phẩm thuộc lĩnh vực cho thuê bất động sản đầu tư, kinh doanh thiết bị viễn thông và công trình inbuilding.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

Năm nay	Lĩnh vực kinh		Cộng
	doanh bảo hiểm	Lĩnh vực khác	
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	4.734.129.120.923	37.314.010.006	4.771.443.130.929
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần	4.734.129.120.923	37.314.010.006	4.771.443.130.929
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	129.677.144.729	(11.758.897.207)	117.918.247.522
Doanh thu hoạt động tài chính	185.018.454.820	5.213.441.099	190.231.895.919
Chi phí tài chính	(9.120.471.276)	(1.260.005.787)	(10.380.477.063)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết	-	-	(8.545.954.340)
Thu nhập khác	5.617.474.859	97.727.273	5.715.202.132
Chi phí khác	(739.989.249)	(104.373.977)	(844.363.226)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	(54.948.087.951)
Lợi nhuận sau thuế TNDN			239.146.462.993
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	88.968.164.442	20.645.113	88.988.809.555
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	56.805.601.399	28.601.344	56.834.202.743
Năm trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	4.310.237.987.970	238.560.442.964	4.548.798.430.934
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần	4.310.237.987.970	238.560.442.964	4.548.798.430.934
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	59.040.001.928	23.985.778.727	83.025.780.655
Doanh thu hoạt động tài chính	187.901.770.914	-	187.901.770.914
Chi phí tài chính	(135.765.412.523)	-	(135.765.412.523)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết	-	-	2.408.355.394
Thu nhập khác	2.664.187.726	-	2.664.187.726
Chi phí khác	(2.253.012.419)	-	(2.253.012.419)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	(24.765.111.081)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	191.886.672	191.886.672
Lợi nhuận sau thuế TNDN			113.408.445.338

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	54.243.158.494	28.003.174.353	82.246.332.847
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	19.021.601.274	3.815.471.852	22.837.073.126

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	<u>Lĩnh vực bảo hiểm</u>	<u>Lĩnh vực khác</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	7.760.098.529.552	7.156.709.071	7.767.255.238.623
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-
Tổng tài sản	-	-	7.767.255.238.623
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	5.745.852.726.818	249.675.012	5.746.102.401.830
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-
Tổng nợ phải trả			5.746.102.401.830
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	7.536.593.274.453	77.954.053.090	7.614.547.327.543
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-
Tổng tài sản			7.614.547.327.543
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	5.687.729.188.318	59.255.681.568	5.746.984.869.886
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-
Tổng nợ phải trả			5.746.984.869.886

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Tập đoàn chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Lãnh đạo chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Lãnh đạo phê duyệt.

3a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Phải thu khách hàng

Các khoản phải thu khách hàng chịu rủi ro tín dụng gồm các khoản phải thu về bảo hiểm, tái bảo hiểm và các khoản phải thu khác. Tập đoàn quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Tập đoàn có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Khoản mục đáng kể nhất của các khoản phải thu về tái bảo hiểm là các khoản bồi thường phải thu đòi công ty tái bảo hiểm. Để giảm thiểu rủi ro này, Tập đoàn đã thiết lập một số nguyên tắc kinh doanh và tài chính trong việc chấp nhận công ty tái bảo hiểm, sử dụng kết quả phân loại của các tổ chức xếp hạng tín dụng lớn đồng thời cân nhắc thêm những thông tin trên thị trường. Tập đoàn cũng thường xuyên xem xét sự ổn định về tài chính của các công ty tái bảo hiểm từ thông tin đại chúng cũng như những nguồn khác và xu hướng thanh toán những khoản phải trả của các công ty tái bảo hiểm.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Lãnh đạo không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	298.018.898.197	-	298.018.898.197
Chứng khoán kinh doanh	5.773.214.858	-	5.773.214.858
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4.052.314.669.747	8.000.000.000	4.060.314.669.747
Phải thu khách hàng	542.553.791.818	1.122.172.807	543.675.964.625
Các khoản phải thu khác	191.491.762.654	106.084.506.184	297.576.268.838
Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	15.129.400.000	15.000.000.000	30.129.400.000
Cộng	5.105.281.737.274	130.206.678.991	5.235.488.416.265
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	118.142.382.645	-	118.142.382.645
Chứng khoán kinh doanh	159.994.380.350	354.701.122.868	514.695.503.218
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	3.243.161.927.033	8.000.000.000	3.251.161.927.033
Phải thu khách hàng	612.776.447.541	39.801.949.487	652.578.397.027
Các khoản phải thu khác	281.681.659.730	14.822.013.484	317.767.656.054
Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26.510.000.000	69.863.299.985	96.373.299.985
Cộng	4.442.266.797.299	487.188.385.824	4.950.719.165.962

3b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
Số cuối năm			
Phải trả người bán	471.264.668.641	-	471.264.668.641
Các khoản phải trả khác	85.211.661.202	2.477.692.411	87.689.353.613
Cộng	556.476.329.843	2.477.692.411	558.954.022.254
Số đầu năm			
Phải trả người bán	554.948.319.769	-	554.948.319.769
Vay và nợ	6.287.285.564	11.360.701.654	17.647.987.218
Các khoản phải trả khác	94.691.483.739	1.320.665.586	96.012.149.325
Cộng	655.927.089.072	12.681.367.240	668.608.456.312

Ban Lãnh đạo cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Tập đoàn có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

3c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá chứng khoán.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Ban Lãnh đạo đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Tại thời điểm 01/01/2020 và 31/12/2020 Tập đoàn không có số dư các công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro lãi suất.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Tập đoàn nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu giá các chứng khoán Tập đoàn đang đầu tư tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Tập đoàn sẽ tăng/giảm 92.371.438 VND (năm trước tăng/giảm 8.235.128.051 VND) do giảm/tăng dự phòng. Mức độ nhạy cảm đối với sự biến động của giá chứng khoán năm nay giảm so với năm trước do năm nay Tập đoàn giảm đầu tư vào các loại chứng khoán kinh doanh đã niêm yết.

3d. Tài sản đảm bảo

Tập đoàn không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	298.018.898.197	-	118.142.382.645	-
Chứng khoán kinh doanh	5.773.214.858	-	514.695.503.218	(137.506.487.068)
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4.060.314.669.747	(7.344.000.000)	3.251.161.927.033	(7.344.000.000)
Phải thu khách hàng	543.675.964.625	(30.465.939.669)	652.578.397.027	(33.656.819.383)
Các khoản phải thu khác	297.576.268.838	(74.356.801.281)	317.767.656.054	(14.822.013.484)
Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	30.129.400.000	(5.999.403.745)	96.373.299.985	(40.398.571.184)
Cộng	5.235.488.416.265	(118.166.144.695)	4.950.719.165.962	(233.727.891.119)

Nợ phải trả tài chính

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	471.264.668.641	554.948.319.769
Vay và nợ	-	17.647.987.218
Các khoản phải trả khác	87.689.353.613	96.012.149.325
Cộng	558.954.022.254	668.608.456.312

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

5. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	82,75	87,37
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	17,25	12,63
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	73,98	75,47
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	26,02	24,53
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,35	1,32
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,12	1,16
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,05	0,02
Khả năng thanh toán nợ dài hạn	Lần	540,66	74,21
Tỷ suất sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	6,19	3,05
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	5,04	2,51
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	3,82	2,01
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	3,12	1,65
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	%	12,35	6,15

6. Rủi ro bảo hiểm

Mục tiêu đầu tiên của Tập đoàn trong việc quản lý vốn là luôn duy trì nguồn vốn đủ mạnh để hỗ trợ cho sự phát triển trong kinh doanh và đảm bảo yêu cầu về vốn pháp định. Tập đoàn nhận thức được những tác động đối với lợi nhuận của cổ đông với mức độ vốn góp và tìm cách duy trì mức cân bằng thận trọng.

Yêu cầu về vốn pháp định phát sinh từ các nghiệp vụ của Tập đoàn và yêu cầu Tập đoàn phải giữ nguồn vốn vừa đủ để xử lý nợ và đáp ứng các quy định về biên khả năng thanh toán tại Việt Nam. Các yêu cầu đảm bảo khả năng thanh toán áp dụng cho Tập đoàn được quy định trong Thông tư số 50/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 15 tháng 5 năm 2017 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về Luật kinh doanh bảo hiểm.

Phụ lục đính kèm (trang 62 – 63) nêu lên biên khả năng thanh toán tối thiểu và biên khả năng thanh toán của Tập đoàn. Những người lập chính sách quan tâm đến việc bảo vệ quyền lợi của người mua bảo hiểm và theo dõi liên tục để đảm bảo các công ty bảo hiểm hoạt động hiệu quả vì

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà số 4A, Láng Hạ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

lợi ích của người mua bảo hiểm. Những người lập chính sách đồng thời cũng quan tâm đến việc đảm bảo các công ty bảo hiểm có thể duy trì được trạng thái thanh toán phù hợp, để ứng phó với những nghĩa vụ bảo hiểm phát sinh ngoài dự báo do suy giảm kinh tế hoặc thảm họa tự nhiên.

7. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ngày 08 tháng 01 năm 2021, Tổng Công ty đã được cấp giấy phép điều chỉnh số 41A/GPĐC27/KDBH về việc thành lập Văn phòng Đại diện Giám định bồi thường PTI tại thành phố Hải Phòng.

Ngày 22 tháng 01 năm 2021, Tổng Công ty đã được cấp giấy phép điều chỉnh số 41A/GPĐC28/KDBH về việc thành lập Công ty thành viên – Công ty Bảo hiểm Bưu điện Lạng Sơn.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lập, ngày 22 tháng 3 năm 2021

Người lập biểu



Phạm Hồng Tiến

Kế toán trưởng



Cao Thu Hiền

Tổng Giám đốc



Bùi Xuân Thu

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

PHỤ LỤC**BIÊN KHẢ NĂNG THANH TOÁN**

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
I. Chênh lệch giữa giá trị tài sản và các khoản nợ phải trả	2.021.152.836.793	1.867.562.457.657
1. Tổng Tài sản doanh nghiệp	7.767.255.238.623	7.653.381.674.765
2. Nợ phải trả	5.746.102.401.830	5.785.819.217.108
II. Giá trị tài sản bị loại trừ	381.841.877.898	434.087.509.223
1. Các tài sản bị loại trừ toàn bộ giá trị hạch toán	73.444.453.157	68.565.820.046
1.1 Các khoản góp vốn để thành lập doanh nghiệp bảo hiểm khác từ nguồn vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp Bảo hiểm	20.152.200.000	20.152.200.000
1.2 Tài sản tương ứng với quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
1.3 Các khoản công nợ không có khả năng thu hồi theo quy định của pháp luật sau khi trừ đi các khoản trích lập dự phòng nợ khó đòi tương ứng	-	-
1.4 Tài sản cố định vô hình (trừ phần mềm máy tính và quyền sử dụng đất)	-	-
1.5 Chi phí trả trước, cho vay không có bảo lãnh, các khoản tạm ứng, trang thiết bị và đồ dùng văn phòng, các khoản phải thu nội bộ	52.818.395.526	47.848.220.781
1.6 Phải thu phí bảo hiểm và phí nhận tái bảo hiểm quá hạn trên 2 năm sau khi đã trừ các khoản trích lập dự phòng nợ khó đòi tương ứng theo quy định của pháp luật	473.857.631	565.399.265
1.7 Các khoản cho vay, đầu tư trở lại cho các cổ đông hoặc người có liên quan quy định tại Điều 4 Luật Doanh nghiệp trừ trường hợp là các khoản tiền gửi ngân hàng	-	-
2. Các tài sản bị loại trừ một phần giá trị hạch toán	308.397.424.741	365.521.689.177
2.1 Các Tài sản đầu tư	34.885.143.717	104.536.713.540
a) Trái phiếu doanh nghiệp có bảo lãnh: loại trừ 1% giá trị hạch toán;	-	-
b) Trái phiếu doanh nghiệp không có bảo lãnh: loại trừ 3% giá trị hạch toán;	9.000.000.000	6.000.000.000
c) Cổ phiếu được niêm yết: loại trừ 15% giá trị hạch toán;	865.982.229	35.419.320.680
d) Cổ phiếu không được niêm yết: loại trừ 20% giá trị hạch toán;	4.825.999.251	39.406.988.084
đ) Đầu tư trực tiếp vào bất động sản do chính doanh nghiệp sử dụng: loại trừ 8% giá trị hạch toán;	918.182.144	407.744.544
e) Đầu tư trực tiếp vào bất động sản để cho thuê, các khoản cho vay thương mại có bảo lãnh: loại trừ 15% giá trị hạch toán;	16.039.638.165	20.140.387.716
g) Vốn góp vào các doanh nghiệp khác trừ doanh nghiệp bảo hiểm: loại trừ 20% giá trị hạch toán.	3.235.341.928	3.162.272.517
2.2 Các khoản phải thu	662.762.401	1.547.692.190
a) Phải thu phí bảo hiểm và phí nhận tái bảo hiểm quá hạn từ 180 ngày đến dưới 01 năm sau khi đã trừ các khoản trích lập dự phòng nợ khó đòi tương ứng theo quy định của pháp luật: loại trừ 30%	235.656.289	309.950.007
b) Phải thu phí bảo hiểm và phí nhận tái bảo hiểm quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm sau khi đã trừ các khoản trích lập dự phòng nợ khó đòi tương ứng theo quy định của pháp luật: loại trừ 50%	427.106.112	1.237.742.183

815-002
 NHANH
 NG TY
 HIỂM HỮU
 AN VÀ TỬ
 & C
 HÀ NỘI
 A - TP.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

PHỤ LỤC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 4A, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Biên khả năng thanh toán (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
2.3 Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình là phần mềm máy vi tính và hàng tồn kho: loại trừ 25% giá trị hạch toán	21.546.920.652	29.539.770.912
2.4 Tài sản khác: loại trừ 15% giá trị hạch toán	251.302.597.971	229.897.512.534
III. Biên khả năng thanh toán của doanh nghiệp (I-II)	1.639.310.958.895	1.433.474.948.434
IV. Biên khả năng thanh toán tối thiểu 25% Tổng phí bảo hiểm giữ lại	1.100.564.608.829	890.357.441.465
So sánh Biên khả năng thanh toán và Biên khả năng thanh toán tối thiểu (III và IV)		
Chênh lệch theo số tuyệt đối	538.746.350.066	543.117.506.969
Chênh lệch theo tỷ lệ %	149%	161%

Lập, ngày 22 tháng 3 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Phạm Hồng Tiến



Cao Thu Hiền



Bùi Xuân Thu

